

Số: 2265/QĐ-UBND

Đức Cơ, ngày 21 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương
giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 27/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định
cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng
nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân
dân tỉnh quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương
trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa
bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà
nước giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà
nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của Hội đồng nhân
dân huyện về việc xem xét, cho ý kiến về Kế hoạch đầu tư công sử dụng vốn ngân
sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2022;*

*Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại tờ trình số 44/TTr-TCKH
ngày 21 tháng 9 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và năm 2022, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, như sau:

1. Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025: 77.657,0 triệu đồng.
2. Tổng vốn đầu tư năm 2022: 17.061,0 triệu đồng. Trong đó:
 - Kế hoạch năm 2021 chuyển sang: 6.676,0 triệu đồng.
 - Kế hoạch năm 2022: 10.385,0 triệu đồng.

(Có các biểu chi tiết số 01,02 và phụ biểu số 01 – biểu số 2 kèm theo)

Các địa phương chủ động bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và năm 2022.

Điều 2. Căn cứ vào Quyết định này, Chủ tịch UBND các xã quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả, đảm bảo thời gian, tiến độ theo kế hoạch được giao; thực hiện chế độ báo cáo, thanh quyết toán đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế các Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 04/8/2022; Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Các thành viên Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia; Chủ tịch UBND các xã; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Cơ; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các sở: Kế hoạch&Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực huyện ủy (B/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, phó chủ tịch UBND huyện;
- Đảng ủy, HĐND các xã;
- Lưu: VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Mạnh Định

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 2265/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện).

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn	Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Trong đó			Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Chia theo năm		
				Năm 2021 chuyển sang năm 2022	Giai đoạn 2022-2025	
1	2	3	4 = (5)+(6)	5	6	7
	TỔNG CỘNG	77.657,0	77.657,0	6.676,0	70.981,0	
	<i>Xã đạt chuẩn nông thôn mới</i>	6.861,0	6.861,0	1.182,0	5.679,0	
1	Xã Ia Dom	2.287,0	2.287,0	394,0	1.893,0	
2	Xã Ia Krêl	2.287,0	2.287,0	394,0	1.893,0	
3	Xã Ia Nan	2.287,0	2.287,0	394,0	1.893,0	
	<i>Xã đạt 15-18 tiêu chí</i>	9.286,0	9.286,0	768,0	8.518,0	
4	Xã Ia Kla	9.286,0	9.286,0	768,0	8.518,0	
	<i>Xã đạt dưới 15 tiêu chí</i>	59.148,0	59.148,0	2.364,0	56.784,0	
5	Xã Ia Kriêng	14.787,0	14.787,0	591,0	14.196,0	
6	Xã Ia Din	14.787,0	14.787,0	591,0	14.196,0	
7	Xã Ia Dơk	14.787,0	14.787,0	591,0	14.196,0	
8	Xã Ia Pnôn	14.787,0	14.787,0	591,0	14.196,0	
	<i>Xã đặc biệt khó khăn</i>	2.362,0	2.362,0	2.362,0	0,0	
9	Xã Ia Lang	2.362,0	2.362,0	2.362,0		

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số 2265/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện).

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung/địa bàn	Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2022	Trong đó			Ghi chú
				Ngân sách Trung ương	Chia theo năm		
					Năm 2021 chuyển sang năm 2022	Năm 2022	
1	2	3	4	5 = (6)+(7)	6	7	8
	TỔNG CỘNG	77.657,0	17.061,0	17.061,0	6.676,0	10.385,0	
	<i>Xã đạt chuẩn nông thôn mới</i>	6.861,0	2.013,0	2.013,0	1.182,0	831,0	
1	Xã Ia Dom	2.287,0	671,0	671,0	394,0	277,0	
2	Xã Ia Krêl	2.287,0	671,0	671,0	394,0	277,0	
3	Xã Ia Nan	2.287,0	671,0	671,0	394,0	277,0	
	<i>Xã đạt 15-18 tiêu chí</i>	9.286,0	2.014,0	2.014,0	768,0	1.246,0	
4	Xã Ia Kla	9.286,0	2.014,0	2.014,0	768,0	1.246,0	
	<i>Xã đạt dưới 15 tiêu chí</i>	59.148,0	10.672,0	10.672,0	2.364,0	8.308,0	
5	Xã Ia Kriêng	14.787,0	2.668,0	2.668,0	591,0	2.077,0	
6	Xã Ia Din	14.787,0	2.668,0	2.668,0	591,0	2.077,0	
7	Xã Ia Dok	14.787,0	2.668,0	2.668,0	591,0	2.077,0	
8	Xã Ia Pnôn	14.787,0	2.668,0	2.668,0	591,0	2.077,0	
	<i>Xã đặc biệt khó khăn</i>	2.362,0	2.362,0	2.362,0	2.362,0	0,0	
9	Xã Ia Lang	2.362,0	2.362,0	2.362,0	2.362,0		

**CHI TIẾT DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2022**

(Kèm theo Quyết định số 2265/QĐ-UBND, ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện).

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quy mô, năng lực thiết kế dự kiến	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2022			Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó			
						NSTW	NSDP		Vốn huy động
	TỔNG CỘNG				17.935	17.061	0	874	
I	Xã Ia Dom				746	671		75	
1	Sửa chữa đường giao thông tuyến 3, tuyến 5 thôn Mook Đen	Thôn Mook Đen xã Ia Dom	Năm 2022	Sửa chữa nền, mặt đường, thoát nước, L= 1.194 m	546	491		55	
2	Nhà Văn hóa xã	xã Ia Dom	Năm 2022	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa xã	200	180		20	
II	Xã Ia Krêl				722	671	0	51	
1	Sửa chữa, nâng cấp đường từ Quốc lộ 19 đi vào làng Ngo Le	Làng Ngo Le, xã Ia Krêl	Năm 2022	Sửa chữa nền, mặt đường, thoát nước, L=1.000,0m	323	300		23	
2	Sửa chữa, nâng cấp Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Khóp, làng Ngo Rông	Làng Khóp, Ngo Rông xã Ia Krêl	Năm 2022	Sân bê tông, hàng rào, giếng nước, nhà vệ sinh, mái hiên	399	371		28	
III	Xã Ia Nan				688	671	0	17	
1	Sửa chữa đường giao thông tổ 7 thôn Đức Hưng	Thôn Đức Hưng, xã Ia Nan	Năm 2022	Sửa chữa nền, mặt đường, mương thoát nước, L=120m	167	150		17	
2	Trường Tiểu học Kpă Klong	Làng Nút, xã Ia Nan	Năm 2022	Sân bê tông và các hạng mục phụ	521	521			
IV	Xã Ia Kla				2.167	2.014	0	153	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quy mô, năng lực thiết kế dự kiến	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2022			Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó			
						NSTW	NSDP		Vốn huy động
1	Đường giao thông nội thôn Chư bỏ 1	Thôn Chư bỏ 1	Năm 2022	Chiều dài, L= 663,0m, Bn=5,0; Bm=3,0m, BTXM đá 2x4 dày 16cm; hệ thống thoát nước	751	698		53	
2	Xây dựng hệ thống mương, cống thoát nước đường nội đồng thôn Ia Tang, Làng Sung Kép và làng Sung Le Tung	Ia Tang, Sung Kép và Sung Le Tung	Năm 2022	Mương dọc và cống thoát nước	851	791		60	
3	Sân thể thao xã, sân bê tông làng Sung Le Kát, Sung Le Tung, Sung Kép	Làng Sung Kép, Làng Sung Le Tung, Làng Sung Le Kát	Năm 2022	Sân bóng đá, S= 4.800m ² , cải tạo mặt sân, cống, hàng rào, khán đài; Sân bóng chuyên, sân bê tông, S= 663,87m ²	565	525		40	
V	Xã Ia Kriêng				2.733	2.668	0	65	
1	Đường giao thông nội đồng làng Nuk	Làng Nuk, xã Ia Kriêng	Năm 2022	Chiều dài, L= 715,0m, Bn=5,0; Bm=3,0m, BTXM đá 2x4 dày 16cm; hệ thống thoát nước	1.008	968		40	
2	Đường giao thông nội đồng làng Ấp	Làng Ấp, xã Ia Kriêng	Năm 2022	Chiều dài, L= 550,0m, Bn=5,0; Bm=3,0m, BTXM đá 2x4 dày 16cm; hệ thống thoát nước	625	600		25	
3	Trường Mầm non Bình Minh	Làng Ấp, xã Ia Kriêng	Năm 2022	Xây 01 phòng học bộ môn và thiết bị	1.100	1.100			
VI	Xã Ia Din				2.829	2.668	0	161	
1	Mương thoát nước thôn Đoàn Kết và thôn Đồng Tâm 1	thôn Đoàn Kết, Đồng Tâm 1	Năm 2022	Mương xây bằng đá hộc, cống D=100, L=300m;	870	809		61	
2	Đường giao thông từ nhà Dân Nữ đến Lê Thời	Thôn Thống Nhất	Năm 2022	L= 210,0 m, Bn=5,0m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	435	405		30	
3	Mương thoát nước thôn Thống nhất	Thôn Thống Nhất	Năm 2022	Chiều dài, L=750m; hệ thống thoát nước, gia cố mái taluy	994	924		70	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quy mô, năng lực thiết kế dự kiến	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2022				Ghi chú
					Tổng số	Trong đó			
						NSTW	NSDP	Vốn huy động	
4	Trường Mầm non Tuổi Thơ	Thôn Thống Nhất	Năm 2022	Khuôn viên, cổng, hàng rào và các hạng mục phụ	530	530			
VII	Xã Ia Dok				2.869	2.668	0	201	
1	Đường giao thông làng Pong (từ nhà Rơ Mah Vong đến cạnh vườn ông Rơ Mah Duing)	Làng Pong	Năm 2022	L= 809,0 m, Bn=4,5m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	1.075	1.000		75	
2	Đường giao thông thôn Ia Mang (từ nhà ông Nguyễn Văn Phước đến nhà bà Khương Thị Hiến)	Thôn Ia Mang	Năm 2022	L= 227,0 m, Bn=4,0m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	292	272		20	
3	Đường giao thông thôn Đoàn Kết (từ nhà Nguyễn Xuân Thăng đến nhà ông Đinh Xuân Thái rẽ nhánh Lê Xuân An)	Thôn Đoàn Kết	Năm 2022	L= 425,0 m, Bn=4,0m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	572	532		40	
4	Đường giao thông thôn Păng Tul thôn Đoàn Kết (từ nhà ông Bùi Văn Tô đến nhà ông Vi Văn Sửu rẽ nhánh Hoàng Danh Long)	thôn Păng Tul, Đoàn Kết	Năm 2022	L= 396,0 m, Bn=4,0m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	622	578		44	
5	Đường giao thông làng Dok Ngol (Đoạn từ đường liên huyện đến nhà bà Hlin)	Dok Ngol, xã Ia Dok	Năm 2022	L= 188,63 m, Bn=4,0m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	308	286		22	
VIII	Xã Ia Pnôn				2.779	2.668	0	111	
1	Đường tuyến 2 làng Chan (đoạn nhà ông Rơ Châm Khin)	Làng Chan, xã Ia Pnôn	Năm 2022	L= 267,5 m, Bn=4,0m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	1.326	1.273		53	
2	Sửa chữa đường giao thông làng Chan (đoạn từ Nhà thờ đến nhà bà Bùi Thị Hà)	Làng Chan, xã Ia Pnôn	Năm 2022	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước, L= 593 m	365	350		15	
3	Đường giao thông làng Bua (từ nhà ông Siu Hnon đi suối Ia Kriêng nhỏ)	Làng Bua, xã Ia Pnôn	Năm 2022	L= 828,0 m, Bn=5,0m; Bm=3,0m Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 16cm; hệ thống thoát nước	1.088	1.045		43	
IX	Xã Ia Lang				2.402	2.362	0	40	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quy mô, năng lực thiết kế dự kiến	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2022			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						NSTW	NSDP	
1	Trường Mầm non Hoa Sen	Làng Le 1, xã Ia Lang	Năm 2022	Nhà 02 phòng học, S=123,1m ² ; nhà đa chức năng, S=129,6; sân bê tông, S=100m ² ; thiết bị	1.400	1.400		Lồng ghép vốn Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023
2	Nhà văn hóa xã	Làng Le 1, xã Ia Lang	Năm 2022	Sân đường bê tông, S= 1.182,0 m ² ; sân lát gạch, S=493,0 m ² ; cổng tường rào, hoa viên	417	400	17	
3	Mương thoát nước làng Gào	Làng Gào, xã Ia Lang	Năm 2022	Mương thoát nước L= 664m	585	562	23	